TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2020/DS-ST
Ngày 13/02/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn X Toàn
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Trương Đức Lâm
2/ Ông Nguyễn X Trường
Thư ký phiên toà: Ông Ngô Thanh Thuần-Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Ong Văn Chúc- Kiểm sát viên.
Ngày 13 tháng 02 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 176/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.
Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2019/QĐXXST- DS ngày 19 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:
- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1984; Địa chỉ: Đội 13, thôn T, xã M, huyện H, tỉnh B- Có mặt.
- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn X- Sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.
- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1976 (vợ anh X); Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/4/2019, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (chị Nguyễn Thị Q) trình bày:
Do có mối quan hệ quen biết nên chị có cho anh Hoàng Văn X, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh B vay tiền vào ngày 30/01/2018, số tiền anh X vay là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), hẹn chị đến ngày 10 tháng giêng năm 2018 (âm lịch) thì trả. Hai bên có lập giấy biên nhận, nội dung anh X vay của chị số tiền 20.000.000đ hẹn ra giêng thì trả. Tuy nhiên, đến ngày 10 tháng giêng năm 2018 anh X không trả cho chị số tiền đã vay theo hẹn, chị có gọi điện cho anh X thì anh X khất nợ sang ngày khác tuy nhiên anh X cũng không trả tiền vay cho chị. Chị đã sang nhà anh

X để đòi tiền nhưng anh X tránh mặt không gặp chị, điện thoại anh X cũng không nghe máy. Vì vậy chị đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án, yêu cầu anh X phải trả cho chị số tiền gốc còn nợ là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), chị không yêu cầu anh X phải trả tiền lãi cho chị.

Bị đơn (anh Hoàng Văn X) trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Q có mối quan hệ bạn bè thân thiết với nhau từ lâu. Do vậy, ngày 30/01/2018 anh có vay của chị Nguyễn Thị Q số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Khi vay anh và chị Q có làm giấy vay tiền có nôi dung ngày 30/01/2018 anh có vay của chị Q số tiền 20.000.000đ, không thỏa thuận gì về lãi, hẹn ra giêng thì trả. Anh xác định anh vay số tiền này này là để anh và chị Q ăn tiêu, chi tiêu và đi chơi với nhau, không phục vụ cho gia đình và không liên quan gì đến vợ anh, vợ anh không biết số tiền vay này. Sau khi vay anh đã trả cho chị Q số tiền là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), còn trả vào ngày tháng cụ thể nào anh không nhớ, khi trả thì hai bên không làm giấy tờ gì, anh trả ở hàng quán nước có nhiều người chứng kiến nhưng anh cũng không nhớ là ai và cũng không biết tên những người đó. Nay chị Q khởi kiện yêu cầu anh phải trả số tiền gôc vay là 20.000.000đ, anh chỉ đồng ý trả chị Q 16.000.000đ vì anh đã trả cho chị Q 4.000.000đ. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế khó khăn anh xin được trả dần.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (chị Nguyễn Thị T): Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại Tòa án để làm việc, cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của chị T đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì vậy không có lời khai của chị T.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xét đã đảm bảo đúng theo quy định; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản đúng quy định của pháp luật, đối với bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 275; 463, 466, 470; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q.

Buộc anh Hoàng Văn X phải có nghĩa vụ thanh toán trả chị Nguyễn Thị Q số tiền vay nợ gốc là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Anh Hoàng Văn X phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; Chị Nguyễn Thị Q không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Nguyễn Thị Q số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000122 ngày 23/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].***Về thủ tục tố tụng:***

Anh Hoàng Văn X và chị Nguyễn Thị T (là bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự có tên nêu trên.

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 18/4/2019 của chị Nguyễn Thị Q đây xác định là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. **Về quan hệ tranh chấp**:

Chị Nguyễn Thị Q và anh Hoàng Văn X tự nguyện thỏa thuận cho nhau vay tiền theo hợp đồng vay đề ngày 30/01/2018, được xác nhận là hợp đồng hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Q yêu cầu anh Hoàng Văn X phải trả 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), thấy rằng: Chị Q xác định sau hai bên khi ký kết hợp đồng vay tài sản chị Q đã giao đủ cho anh Hoàng Văn X số tiền vay là 20.000.000đ, anh X đã nhận đủ tiền. Đến hạn trả tiền chị Quyền đã đến gia đình anh X đòi nhiều lần nhưng anh X không trả được số tiền nào. Anh X cũng xác nhận anh X có vay của chị Q số tiền 20.000.000đ, đã trả cho chị X được 4.000.000đ nhưng anh X không có chứng cứ, tài liệu nào chứng minh anh X đã trả cho chị X được 4.000.000đ tiền vay của chị Q. Anh X cũng xác định việc vay tiền của chị Q là để sử dụng chi tiêu riêng cho cá nhân anh X, không liên quan đến gia đình. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy trong giấy vay tiền chỉ có một mình anh X ký nhận vay tiền, chị Q cũng xác định khi vay tiền chỉ có một mình anh X vay. Tại Tòa án chị Q không đưa ra được chứng cứ anh X vay tiền dùng vào kinh doanh phục vụ kinh tế gia đình hay chi vào việc thiết yếu trong gia đình anh X. Việc thỏa thuận và và nhận tiền vay đều do một mình anh X đứng ra giao dịch với chị Q. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không có đủ căn cứ để xác định anh X vay tiền là để phục vụ cho lợi ích chung của gia đình. Do đó, không có đủ căn cứ để buộc anh X, chị T phải chịu trách nhiệm liên đới đối với việc thanh toán nợ gốc cho chị Q đối với hợp đồng vay tài sản nêu trên. Vì vậy, chỉ có đủ căn cứ để buộc anh Hoàng Văn X phải chịu trách nhiệm thanh toán trả tiền gốc cho chị X là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), cho nên yêu cầu của chị Q là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[2].2. Xét việc chị Nguyễn Thị Q không yêu cầu anh Hoàng Văn X phải thanh toán cho chị Q số tiền lãi phát sinh của hợp đồng vay từ ngày vay cho đến nay là hoàn toàn tự nguyện, vì vậy không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3]. Về án phí: yêu cầu của chị Nguyễn Thị Q đ□ợc chấp nhận, vì vậy chị Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh Hoàng Văn X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 275; 463, 466, 470; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q.

Buộc anh Hoàng Văn X phải có nghĩa vụ thanh toán trả chị Nguyễn Thị Q số tiền vay nợ gốc là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Anh Hoàng Văn X phải chịu 1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; Chị Nguyễn Thị Q không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Nguyễn Thị Q số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000122 ngày 23/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ng□ời đ□ợc thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đ□ơng sự có mặt biết đ□ợc quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án vắng mặt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Tòa án ND tỉnh Bắc Giang*
- *VKSND tỉnh Bắc Giang;*
- *VKSND huyện Hiệp Hòa;*
- *Các đ- ơng sự;*
- *Chi cục thi hành án;*
- *L- u.*

T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Nguyễn X Toàn